

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10-12-2020  
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm***

***Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền***

***Ông Nguyễn Minh Hoàng***

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 492/2020/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 23/11/2020.

***- Bị đơn:*** Anh **Nguyễn N**, sinh năm 1972, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Anh N đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 15/10/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2002.

Trong thời gian chung sống với nhau cũng thường xuyên bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, anh Nguyễn N nhiều lần đánh chị, cụ thể ngày 12/7/2020 Anh N đánh Chị H gây thương tích gãy 02 xương sườn số 7 và số 8 hiện nay vẫn đang uống thuốc và điều trị tại Thành phố Hồ Chí Minh, khi sự việc xảy ra có trình báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chị vẫn nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng nên đã làm đơn rút không yêu cầu xử lý anh N, trong quá trình chung sống vợ chồng chị đã chịu đựng quá nhiều vì nghĩ con còn nhỏ, nay con đã lớn, chị đã không còn tình cảm với anh N, chung sống không còn hạnh phúc. Hiện nay chị và Anh N đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với Anh N nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị H xác định trong thời gian chung sống chị và Anh N có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1999. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và Anh N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn N trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2020:

- Về hôn nhân: Anh và chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2002.

Trong quá trình chung sống cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính nóng giận không kiềm chế được bản thân nên anh có đánh Chị H vào ngày 12/7/2020, như lời trình bày của chị H, xuất phát từ việc mâu thuẫn là do ghen tuông nên anh mới có hành vi đánh chị H, anh vẫn còn rất thương chị H, sau khi Chị H nằm viện, anh cũng có lên thăm và hàn gắn tình cảm nhưng Chị H không đồng ý nên anh đã bỏ đi biên từ thời gian đó đến nay. Nay Chị H yêu cầu xin ly hôn anh không đồng ý, vì anh vẫn rất thương chị H.

- Về con chung: Anh N xác định trong thời gian chung sống anh và Chị H có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh L, sinh

năm 1999. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh và Chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H và Anh N tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, phát sinh từ ghen tuông và ngày 12 tháng 7 năm 2020 Anh N có gây thương tích cho chị H, nên từ tháng 7 năm 2020 đến nay chị và Anh N đã sống ly thân. Nay Chị H xin ly hôn, Anh N không đồng ý ly hôn tuy nhiên thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị và anh đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chị H xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1999. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống anh và Chị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn N, Anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn N có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị H và anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn N xác định anh, chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân thị trấn G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/12/2002 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét việc Chị H yêu cầu xin ly hôn Anh N không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị H, Anh N đều thống nhất xác định giữa vợ chồng đã có xảy ra nhiều mâu thuẫn do ghen tuông và thực tế ngày 12/7/2020 Anh N đã gây ra thương tích cho Chị H gãy 02 xương sườn số 7 và số 8, tuy Chị H đã rút đơn yêu cầu không yêu cầu xử lý đối với anh N, nhưng xét thấy việc bạo hành gia đình đã xảy ra và từ tháng 7 năm 2020 đến nay Chị H và Anh N đã sống ly thân. Từ đó, có thể thấy mâu thuẫn gia đình giữa Chị H và Anh N có xảy ra trên thực tế, đến nay vẫn không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1999. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh và chị tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn N xác định trong thời gian chung sống chị và anh không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn N nên Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn N.
2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thanh L, sinh năm 1999. Hiện nay hai con đã trưởng thành tự lo được cuộc sống của bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị H phải chịu. Chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007898 ngày 02/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng.
5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)\_

**Phạm Kiều Diễm**